

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 13/10/2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Vĩnh Mai.

2. Ông Hoàng Văn Mầm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 327/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà T – Sinh năm 1990 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số X đường P, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông T1 – Sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số Y đường V, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà T trình bày có nội dung như sau:

Tôi (T) và ông T1 tìm hiểu và tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 02/12/2014.

Trong quá trình chung sống, tôi và ông T1 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông T1 không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Tôi và ông T1 có một con chung là cháu T2 – Sinh ngày 05/9/2014. Nguyên vọng của tôi là được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T2 cho đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu ông T1 có trách nhiệm cấp dưỡng để nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và ông T1 không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn ông T1, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật, nhưng ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận đơn khởi kiện của bà T. Chấp nhận bà T được ly hôn với ông T1. Chấp nhận yêu cầu giao con chung cháu T2 – Sinh ngày 05/9/2014 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng. Chấp nhận việc bà T không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông T1. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do lần thứ hai, nên Tòa

án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 02/12/2014 (Giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyển số 01). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà T và ông T1 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà T trình bày là do bà T và ông T1 bất đồng quan điểm sống, ông T1 không có trách nhiệm với gia đình. Bà T và ông T1 hiện đã sống ly thân và không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T1.

Kết quả xác minh tại địa phương cho biết: Bà T và ông T1 kết hôn và chung sống một thời gian ngắn tại địa chỉ Số Y đường V, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, do bà T và ông T1 phát sinh mâu thuẫn nên bà T đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nay bà T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết cho ly hôn với ông T1 thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T1 đến Tòa án để làm việc nhưng ông T1 vắng mặt, không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 là không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông T1, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét về con chung: Bà T và ông T1 có một con chung là cháu T2 – Sinh ngày 05/9/2014. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 cho đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy cháu T2 hiện đang sống cùng với bà T. Mặt khác, cháu T2 cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ, do đó vì quyền lợi cũng như đảm bảo sự phát triển ổn định của con, cần giao cháu T2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng để nuôi con chung, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông T1.

Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Giao con chung cháu T2 – Sinh ngày 05/9/2014 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T2 trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng để nuôi con chung, do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà X đã nộp thay bà T tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0003993 ngày 10 tháng 5 năm 2021.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND phường L, TP.BMT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Dương